

THE STATUS OF THE SCHOOL HEALTH WORKFORCE IN PUBLIC PRESCHOOLS IN 2024 IN SELECTED PROVINCES AND CITIES OF VIETNAM

Phan Thi Chi Mai^{1*}, Dang Le Tri¹, Ta Dang Hung¹, Tran Trung Anh¹, Nguyen Khanh Phuong¹, Tran Anh Dung¹, Le Thanh Hai², Vu Van Hoan², Duong Chi Nam³, Bui Huu Toan³, Nguyen Thi Thu Huyen¹

¹Health Strategy and Policy Institute - Lane 196, Ho Tung Mau, Phu Dien ward, Hanoi city, Vietnam

²National Institute of Occupational and Environmental Health - No. 57, Le Quy Don Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam

³Vietnam Administration of Disease Prevention - Lane 19, Duy Tan Street, Cau Giay Ward, Hanoi City, Vietnam

Received: 19/09/2025

Revised: 03/10/2025; Accepted: 19/11/2025

ABSTRACT

Objective: Described the status of the school health workforce in public preschools in 2024 in selected provinces and centrally administered cities.

Methods: A cross-sectional study was conducted using standardized statistical forms to collect information on the status of the school health workforce in 63 provinces and cities.

Results: Data obtained from statistical forms in 35 out of 63 provinces and centrally administered cities (prior to the administrative merger) showed that among a total of 14893 public schools, preschools accounted for the largest proportion at 36,8% (5481 schools). However, the proportion of public preschools with full-time school health staff in 2024 remained low at 41,0%. Among them, the proportion of full-time school health staff holding the professional title of physician assistant was only 56,8%. The proportion of full-time staff trained according to the Ministry of Health's regulations was 69,4%. Only 49,5% of full-time staff fully performed their assigned duties, while the rates were even lower among part-time staff or those contracted from qualified health facilities.

Conclusion: The number of human resources in charge of school health care in public preschools in 2024 was still lacking, especially the specialized school health care human resource model. Human resources in charge of school health care had not participated in full training according to the regulations of the Ministry of Health, which might lead to the inadequate performance of the functions and tasks of school health care staff.

Keywords: school health workforce; preschool; public school.

*Corresponding author

Email: Phanthichimai4@gmail.com Phone: (+84) 91656065 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3828>

THỰC TRẠNG NHÂN LỰC Y TẾ TRƯỜNG HỌC CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP NĂM 2024 CỦA MỘT SỐ TỈNH/THÀNH PHỐ TẠI VIỆT NAM

Phan Thị Chi Mai^{1*}, Đặng Lê Trí¹, Tạ Đăng Hưng¹, Trần Trung Anh¹, Nguyễn Khánh Phương¹, Trần Anh Dũng¹, Lê Thanh Hải², Vũ Văn Hoàn², Dương Chí Nam³, Bùi Hữu Toàn³, Nguyễn Thị Thu Huyền¹

¹Viện Chiến lược và Chính sách y tế - Ngõ 196, Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội, Việt Nam

²Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường - Số 57, phố Lê Quý Đôn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

³Cục Phòng bệnh, Bộ Y tế - Ngõ 19 phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 19/09/2025

Ngày chỉnh sửa: 03/10/2025; Ngày duyệt đăng: 19/11/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng nhân lực y tế trường học (YTTH) các trường mầm non công lập năm 2024 của một số tỉnh/thành phố (TP) tại Việt Nam.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện bằng phương pháp thu thập thông tin về thực trạng nhân lực YTTH qua biểu mẫu thống kê tại 63 tỉnh/thành phố.

Kết quả: Kết quả thu được từ biểu mẫu thống kê (BMTK) của 35/63 tỉnh/TP trực thuộc Trung ương (trước khi sát nhập) cho thấy trong tổng số 14893 trường công lập, tỷ lệ trường mầm non chiếm cao nhất 36,8% (5481 trường). Tỷ lệ các trường mầm non công lập có nhân viên y tế (NVYT) chuyên trách năm 2024 chỉ đạt 41%. Trong đó, tỷ lệ NVYT trường học chuyên trách có chức danh nghề nghiệp (CDNN) là y sĩ chỉ chiếm 56,8%. Tỷ lệ NVYT chuyên trách được đào tạo theo quy định của Bộ Y tế (BYT) là 69,4%. Tỷ lệ NVYT chuyên trách thực hiện đầy đủ nhiệm vụ còn thấp 49,5% và tỷ lệ nhân viên kiêm nhiệm hoặc ký hợp đồng với cơ sở y tế (CSYT) đủ điều kiện có tỷ lệ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của YTTH thấp hơn.

Kết luận: Nhân lực phụ trách công tác YTTH tại các trường mầm non công lập năm 2024 còn thiếu, nhất là mô hình nhân lực YTTH chuyên trách. Nhân lực phụ trách công tác YTTH chưa tham gia đào tạo đầy đủ theo quy định của BYT có thể dẫn đến việc thực hiện không đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của nhân viên phụ trách công tác YTTH.

Từ khóa: nhân viên y tế trường học, nhân viên phụ trách công tác y tế trường học, mầm non.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự hình thành và phát triển hệ thống y tế trường học trên thế giới đã bắt đầu từ những năm 1950 của thế kỷ XX. Đến nay, nhiều quốc gia phát triển đã xây dựng mạng lưới y tế trường học nhằm bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, học sinh và sinh viên trong các cơ sở giáo dục. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) khuyến cáo các nước phát triển mô hình “trường học nâng cao sức khỏe” (health-promoting schools), trong đó chăm sóc và giáo dục sức khỏe được coi là nội dung cốt lõi [1]. Các nghiên cứu quốc tế cũng cho thấy rằng hệ thống y tế học đường hiệu quả giúp giảm tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm, cải thiện dinh dưỡng và tăng cường khả năng học tập của học sinh [2,3].

Đặc biệt lứa tuổi mầm non nền tảng cốt lõi cho sự phát triển thể chất và trí tuệ của thế hệ tương lai. Tuy nhiên đây cũng là giai đoạn trẻ dễ mắc các bệnh truyền nhiễm, bệnh học đường và tai nạn thương tích. Do đó, công tác YTTH tại các trường mầm non công lập đóng vai trò vô cùng thiết yếu, không chỉ là sơ cứu, cấp cứu ban đầu mà còn bao gồm công tác phòng bệnh, kiểm soát dịch bệnh, giám sát dinh dưỡng và theo dõi sự phát triển thể chất của trẻ [1].

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn nhất quán trong việc ưu tiên công tác này, thể hiện qua Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân [4].

*Tác giả liên hệ

Email: Phanthichimai4@gmail.com Điện thoại: (+84) 91656065 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3828>

Về mặt pháp lý, Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT đã quy định rõ về tiêu chuẩn phòng y tế, nhiệm vụ và yêu cầu đối với nhân viên YTTH ở tất cả các cấp học, trong đó có mầm non [5]. Gần đây, Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập đã cụ thể hóa vị trí việc làm chuyên trách cho nhân viên y tế, tạo cơ sở pháp lý vững chắc hơn cho việc tuyển dụng và bố trí nhân lực [6].

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai công tác YTTH tại các trường mầm non công lập vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và bất cập. Mặc dù được quy định tại Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT về định biên nhưng thực trạng thiếu hụt nhân viên YTTH chuyên trách vẫn diễn ra phổ biến [6]. Bên cạnh đó, các yếu tố về chính sách đãi ngộ, chế độ tiền lương (đặc biệt trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương [7]), cơ hội đào tạo chuyên môn sâu về y tế học đường và cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ cũng chưa thực sự được đảm bảo.

Để góp phần cung cấp bằng chứng để xây dựng Đề án Phát triển y tế trường học, chúng tôi tiến hành “Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu phát triển nhân lực y tế trường học tại các cơ sở giáo dục công lập, các khó khăn thuận lợi và đề xuất giải pháp”. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi trình bày kết quả về *thực trạng nhân lực y tế trường học tại các trường mầm non công lập năm 2024 của một số tỉnh/thành phố tại Việt Nam* với mục tiêu: Mô tả thực trạng nhân lực y tế trường học (YTTH) các trường mầm non công lập năm 2024 của một số tỉnh/TP tại Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thu thập thông tin bằng phương pháp định lượng thông qua BMTK do 63 tỉnh/TP cung cấp.

2.2. Thời gian, địa điểm nghiên cứu:

Thời gian: Năm học 2023 -2024

Địa điểm: BMTK được thu thập tại 63 tỉnh/TP

2.3. Đối tượng nghiên cứu: Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn 63 tỉnh/TP

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu:

Cỡ mẫu: 63 tỉnh/TP

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu toàn bộ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn 63 tỉnh/TP.

2.5. Biến số, chỉ số nghiên cứu

Các chỉ số, nội dung sau được thu thập từ BMTK (thời điểm thống kê là năm học 2023-2024):

Thông tin chung về công tác YTTH tại các trường mầm non công lập: số lượng các trường mầm non công lập; số lượng các trường có thành lập Ban CSSK học sinh; số lượng trường có xây dựng kế hoạch YTTH; số lượng các trường có phòng y tế riêng.

Tỷ lệ mô hình nhân lực phụ trách YTTH; tỷ lệ CDNN của NVYT trường học chuyên trách tại các trường mầm non công lập; tỷ lệ thực hiện đào tạo về công tác y tế trường học theo Thông tư 28/2023/TT-BYT [8]; tỷ lệ mô hình nhân lực phụ trách công tác y tế tại trường mầm non công lập được đào tạo theo Thông tư 28/2023/TT-BYT; tỷ lệ thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của nhân viên phụ trách công tác YTTH theo từng mô hình.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và qui trình thu thập số liệu:

BMTK được gửi đến 63 tỉnh/TP qua công văn. Sau khi tổng hợp, hoàn thành có văn bản của Sở Y tế hoặc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kèm BMTK được gửi về nhóm nghiên cứu qua công văn và/hoặc email.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được rà soát, làm sạch bằng cách đối chiếu hướng dẫn điền biểu mẫu, dùng các lệnh để kiểm tra số liệu, liên lạc với người điền biểu mẫu để đối chiếu, xác nhận lại thông tin. Dữ liệu BMTK được nhập bằng phần mềm Excel, phân tích bằng SPSS.20.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về các trường mầm non công lập

Bảng 1: Thông tin chung về các trường mầm non công lập (n=5481)

Thông tin chung	Số lượng	Tỷ lệ %
Thành lập Ban Chăm sóc sức khỏe (CSSK) học sinh	5311	96,9
Xây dựng kế hoạch YTTH	3671	67,0
Có phòng y tế riêng	5237	95,5

Số liệu tại Bảng 1 cho thấy: tỷ lệ trường mầm non cao nhất 36,8% (5481 trường mầm non công lập). Tỷ lệ các trường thành lập Ban CSSK học sinh có tỷ lệ khá cao, đạt 96,9%. Tỷ lệ các trường xây dựng kế hoạch YTTH đạt 67,0%. Tỷ lệ các trường có phòng y tế riêng đạt 95,5%.

3.2. Thực trạng về nhân lực phụ trách y tế trường học

Mô hình nhân lực phụ trách y tế trường học

Bảng 2. Tỷ lệ mô hình nhân lực phụ trách y tế trường học tại các trường mầm non công lập năm 2024

TT	Loại mô hình nhân lực phụ trách YTTH	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Chuyên trách	2246	41,0
2	Kiểm nhiệm	2139	39,0
3	Ký hợp đồng CSYT đủ điều kiện	569	10,4
4	Không trả lời	527	9,6
	Tổng	5481	100

Theo Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT quy định về định mức số lượng người làm việc ở vị trí hỗ trợ, phục vụ, các cơ sở giáo dục mầm non bố trí tối thiểu 01 lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ y tế học đường. Tuy nhiên, tỷ lệ mô hình nhân lực YTTH chuyên trách và kiêm nhiệm tại các trường mầm non công lập năm 2024 còn thấp (41,0% và 39,0%).

Chức danh nghề nghiệp của nhân viên y tế trường học chuyên trách

Bảng 3. Tỷ lệ chức danh nghề nghiệp của nhân viên y tế trường học chuyên trách tại các trường mầm non công lập

TT	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Bác sĩ	8	0,4
2	Y sĩ	1275	56,8
3	Điều dưỡng	564	25,1
4	Dinh dưỡng	12	0,5
5	Y tế công cộng	1	0,0
6	Kỹ thuật y	2	0,1
7	Dược sĩ	47	2,1
8	Khác	33	1,5
9	Không trả lời	304	13,5
	Tổng	2246	100

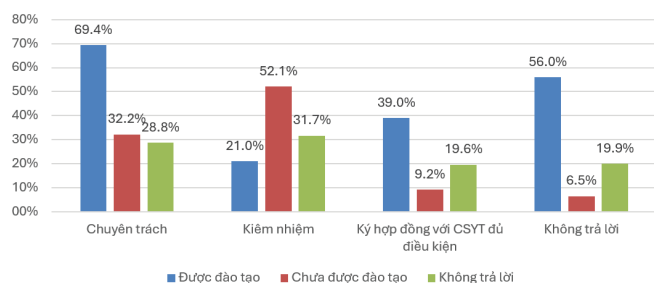
Trong số 2246 nhân viên YTTH chuyên trách, tỷ lệ nhân viên YTTH có CDNN là y sĩ chiếm đa số (56,8%), tiếp đến là điều dưỡng (25,1%), tỷ lệ nhân viên YTTH chuyên trách là bác sĩ rất thấp (0,4%). Còn các chức danh khác (dinh dưỡng, dược sĩ, kỹ thuật y...) chiếm tỷ lệ nhỏ lẻ. Bên cạnh đó, có 13,5% các trường không có thông tin trả lời.

Thực trạng công tác đào tạo theo Thông tư 28/2023/TT-BYT

Bảng 4. Tỷ lệ thực hiện công tác đào tạo về y tế trường học theo Thông tư 28/2023/TT-BYT

Công tác đào tạo	Số lượng	Tỷ lệ %
Được đào tạo	1416	25,8
Chưa được đào tạo	2711	49,5
Không trả lời	1354	24,7
Tổng	5481	100,0

Thực trạng công tác đào tạo cho nhân viên phụ trách công tác YTTH tại các trường mầm non công lập theo Thông tư 28/2023/TT-BYT còn rất thấp, chỉ 25,8% nhân viên phụ trách công tác YTTH đã được đào tạo theo quy định. Gần một nửa (49,5%) nhân viên phụ trách công tác YTTH chưa được đào tạo và 24,7% không có thông tin trả lời.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ mô hình nhân lực phụ trách công tác y tế tại trường mầm non công lập được đào tạo theo Thông tư 28/2023/TT-BYT

Qua biểu đồ trên cho thấy việc thực hiện công tác đào tạo theo Thông tư 28/2023/TT-BYT trong từng mô hình nhân viên phụ trách công tác YTTH có sự khác biệt rõ ràng với từng loại mô hình. Mô hình nhân viên YTTH chuyên trách được đào tạo cao hơn (69,4%) so với mô hình nhân viên YTTH kiêm nhiệm (21,0%) và có đến 5,6% là không có thông tin trả lời.

Thực trạng thực hiện nhiệm vụ của nhân viên phụ trách công tác YTTH

Bảng 5: Tỷ lệ thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhân viên phụ trách công tác YTTH theo từng mô hình

TT	Mô hình nhân viên y tế trường học	Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Chuyên trách	742	49,5
2	Kiểm nhiệm	460	30,7

TT	Mô hình nhân viên y tế trường học	Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ	
		Số lượng	Tỷ lệ %
3	Ký hợp đồng với cơ sở y tế đủ điều kiện	144	9,6
4	Không trả lời	152	10,1
	Tổng	1498	100

Trong tổng số 5481 trường mầm non công lập chỉ có 1498 trường có nhân viên phụ trách công tác YTTH thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ rất thấp (27,3%) trong đó, các trường mầm non công lập có nhân viên y tế trường học chuyên trách có tỷ lệ thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ là cao nhất.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác YTTH tại các trường mầm non công lập đã được quan tâm, tỷ lệ lớn các trường có Ban CSSK học sinh (96,9%) và có phòng y tế riêng (95,5%). Tuy nhiên, chỉ có 67,0% trường xây dựng kế hoạch YTTH học. Như vậy, quá trình triển khai công tác YTTH tại các trường mầm non chưa thực sự đồng bộ, thống nhất, khả thi, chi tiết từ Ban CSSK học sinh đến kế hoạch triển khai công tác YTTH hàng năm tại các trường.

Về nhân lực, tỷ lệ nhân viên YTTH chuyên trách còn thấp (41,0%), trong khi tỷ lệ kiêm nhiệm vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể (39,0%). Đáng lưu ý, có tới 10,4% trường phải ký hợp đồng với CSYT đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ, cho thấy tình trạng thiếu hụt nhân lực YTTH, chưa đảm bảo quy định trong Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT về vị trí việc làm chuyên trách cho nhân viên YTTH [6].

Về trình độ, nhân lực YTTH chuyên trách chủ yếu là y sĩ (56,8%) và điều dưỡng (25,1%), trong khi tỷ lệ bác sĩ còn hạn chế (0,4%). Cơ cấu này phản ánh hạn chế trong khả năng xử lý các tình huống y tế phức tạp tại trường học, đồng thời chưa bảo đảm được yêu cầu đa dạng chuyên môn trong công tác y tế học đường (dinh dưỡng, y tế công cộng...).

Một trong những vấn đề nổi bật là công tác đào tạo. Chỉ 25,8% nhân viên được đào tạo theo quy định của Bộ Y tế, gần một nửa (49,5%) chưa được đào tạo và 24,7% không có thông tin trả lời. Đây là rào cản lớn trong việc nâng cao chất lượng và chuẩn hóa đội ngũ nhân lực YTTH.

Hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cho thấy rõ sự khác biệt giữa các mô hình nhân lực: tỷ lệ nhân viên YTTH chuyên trách thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đạt 49,5%, trong khi nhóm kiêm nhiệm chỉ 30,7% và nhóm ký hợp đồng với CSYT đủ điều kiện chỉ 9,6%. Điều này chứng minh rằng việc bố trí nhân lực chuyên trách mang lại hiệu quả cao hơn, trong khi các hình thức kiêm nhiệm hoặc hợp đồng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Những hạn chế trên phản ánh thách thức lớn trong việc bảo đảm chất lượng công tác y tế trường học, đặc biệt trong bối cảnh trẻ mầm non là nhóm tuổi dễ mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh học đường và tai nạn thương tích.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu về nhân lực YTTH tại các trường mầm non công lập cho thấy: tỷ lệ nhân viên YTTH có trình độ từ y sĩ trung cấp trở lên theo quy định chưa cao, tỷ lệ nhân viên YTTH được đào tạo chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế còn thấp. 03 mô hình nhân viên YTTH (chuyên trách, kiêm nhiệm, ký hợp đồng với các CSYT) vẫn đang được áp dụng nhưng việc triển khai đầy đủ 12 nhiệm vụ về YTTH với mô hình nhân viên YTTH chuyên trách chiếm tỷ lệ cao nhất. Như vậy, nhân lực YTTH vẫn còn thiếu và chưa đồng đều về chất lượng. Để khắc phục những hạn chế này, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non, cần tập trung vào một số định hướng trọng tâm sau:

Bảo đảm nhân lực YTTH chuyên trách tại các trường mầm non công lập, hạn chế tình trạng kiêm nhiệm hoặc hợp đồng ngắn hạn để nâng cao chất lượng CSSK ban đầu.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hóa năng lực chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế, đồng thời có chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút và giữ chân nhân lực YTTH.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và thúc đẩy phối hợp liên ngành, đặc biệt giữa Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng chính quyền địa phương, nhằm bảo đảm môi trường chăm sóc sức khỏe học đường toàn diện và bền vững theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ để đảm bảo quá trình triển khai công tác YTTH tại các cơ sở giáo dục mầm non thật sự hiệu quả, góp phần nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe cho các cháu mầm non.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Health Organization (2021), *Global standards for health-promoting schools*, World Health Organization, Geneva.
- [2] WHO, UNICEF, UNESCO (2021), *Making every school a health-promoting school: global standards and indicators*, World Health Organization, Geneva.
- [3] Kolbe LJ (2019), School health as a strategy to improve both public health and education, *Annu Rev Public Health*; 40:443-463.
- [4] Ban Chấp hành Trung ương (2017), Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế (2016), Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT quy định về công tác y tế trường học.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.
- [7] Ban Chấp hành Trung ương (2018), Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.
- [8] Bộ Y tế (2023), Thông tư số 28/2023/TT-BYT quy định phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung chuyên môn, nghiệp vụ của chương trình đào tạo nhân viên y tế làm việc tại y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức mà không thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

